

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/DS-ST.
Ngày: 14/9/2020.
V/v: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Điệp;

2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Thắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:***
Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thế H, sinh năm: 1952;

Địa chỉ: ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng D, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: tổ 27, ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Lê Cẩm H, sinh năm: 2001;

Địa chỉ: ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Lê Cẩm H, sinh năm 2001: Ông Trần Thế H, sinh năm: 1952 là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2020).

(Ông H, bà D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 05/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thế H đồng thời là đại diện theo ủy quyền của chị Trần Lê Cẩm H thống nhất trình bày:

Ông H, chị H là chồng và con bà Lê Thị Cẩm T. Bà T chết ngày 04/10/2019. Ông H, chị H xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà T theo quy định của pháp luật gồm ông H và chị H, ngoài ra không còn ai. Khi còn sống bà T có cho bà D vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 30/3/2013, bà D vay của bà T 30.000.000 đồng có làm biên nhận, vay không lãi suất. Biên nhận bà D ký tên và viết họ tên.

Ngày 9 +10/5/2013, bà T cho bà D vay 50.000.000 đồng có làm biên nhận, vay không lãi suất. Biên nhận bà D ký tên và viết họ tên.

Ngày 03/9/2013, bà T cho bà D vay 30.000.000 đồng có làm biên nhận, vay không lãi suất. Biên nhận bà D ký tên và ghi họ tên.

Tổng cộng bà T cho bà D vay 110.000.000 đồng. Sau khi cho vay bà T có yêu cầu bà D trả tiền nhiều lần, nhưng bà D không trả. Nay, ông H và chị H yêu cầu bà D trả 110.000.000 đồng và tiền lãi 110.000.000 đồng x 74 tháng x 1,66%/tháng = 135.124.000 đồng, tổng cộng 245.124.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông H và chị H yêu cầu bà D trả tiền vốn vay của 03 biên nhận trên là 110.000.000 đồng. Ông H, chị H không yêu cầu bà D trả 135.124.000 đồng tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị Mộng D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mộng D thừa nhận ông Trần Thế H là chồng của bà Lê Thị Cẩm T và chị Trần Lê Cẩm H là con ruột của bà Lê Thị Cẩm T. Năm 2013, bà Nguyễn Thị Mộng D có vay của bà T số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó, bà D chơi 02 dây hụi để cản trừ nợ và bà D đã trả nợ xong cho bà T. Từ đó đến nay bà D không vay tiền của bà T. Các biên nhận ngày 30/03/2013, 03/9/2013, 9+10/5/2013, bà D không ký tên vào biên nhận và không ghi chữ Nguyễn Thị Mộng D. Do không ký tên vào các biên nhận nên bà D không yêu cầu giám định chữ ký trong các biên nhận trên, ai ký tên D và viết chữ Nguyễn Thị Mộng D vào các biên nhận thì bà D không biết. Bà D không vay tiền của bà T nên không đồng ý trả theo yêu cầu của ông H, chị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, nên không có kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì: ông H, chị H có cung cấp 03 biên nhận bản chính ghi ngày 30/3/2013, 9+10/5/2013, 03/9/2013 các biên nhận bà D ký tên và viết họ tên. Bản kết luận giám định số: 715/KL-KTHS ngày 05/8/2020 kết luận chữ ký D và chữ viết Nguyễn Thị Mộng D trong các biên nhận ngày 30/3/2013, 9+10/5/2013, 03/9/2013 với chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị Mộng D trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người ký và viết ra. Do đó, buộc bà D có nghĩa vụ trả cho ông H, chị H số tiền 110.000.000 đồng là phù hợp. Tại phiên tòa, ông H, chị H không yêu cầu bà D trả 135.124.000 đồng tiền lãi. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông H, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dung có nghĩa vụ trả cho ông H, chị H số tiền vay 110.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà D không đồng ý yêu cầu của ông H, chị H. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự - Về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn có địa chỉ: tổ 27, ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ông H, chị H không yêu cầu bà D có trách nhiệm trả 135.124.000 đồng tiền lãi. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, chị H về việc yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả 135.124.000 đồng tiền lãi.

[4] Xét yêu cầu của ông H, chị H yêu cầu bà D có trách nhiệm trả số tiền 110.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án ông H, chị H có cung cấp 03 biên nhận bản chính ghi ngày 30/3/2013, 9+10/5/2013, 03/9/2013 các biên nhận này bà D ký tên và viết họ tên Nguyễn Thị Mộng D. Bà D cho rằng năm 2013, bà D có vay của bà T số tiền 30.000.000 đồng, nhưng bà D đã chơi 02 dây hui để cản trừ nợ và bà D đã trả nợ xong cho bà T. Số tiền 110.000.000 đồng theo các biên nhận ông H, chị H cung cấp, bà D không thừa nhận vay của bà T. Tại Bản kết luận giám định số: 715/KL-KTHS ngày 05/8/2020 kết luận chữ ký D và chữ viết Nguyễn Thị Mộng D trong các biên nhận ngày 30/3/2013, 9+10/5/2013, 03/9/2013 với chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị Mộng D trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người ký và viết ra. Vì vậy, đủ căn cứ để kết luận vào các ngày 30/3/2013, 9+10/5/2013, 03/9/2013, bà D có ký biên nhận vay của bà T tổng số tiền 110.000.000 đồng. Do đó, buộc bà D có nghĩa vụ trả cho ông H, chị H số tiền 110.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về tiền lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H và chị H không yêu cầu bà D trả 135.124.000 đồng tiền lãi. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu của ông H, chị H về việc yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả 135.124.000 đồng tiền lãi theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 110.000.000 đồng x 5% = 5.500.000 đồng. Ngoài ra, bà D phải chịu 5.415.000 đồng tiền chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 161, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng D có nghĩa vụ trả 135.124.000 đồng tiền lãi.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng D có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H số tiền vay 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Mộng D phải chịu 5.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi phí tố tụng khác:

+ Bà Nguyễn Thị Mộng D phải chịu 5.415.000 đồng tiền chi phí giám định. Số tiền này ông H đã nộp nên bà D phải nộp để trả lại cho ông H.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Hà